

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
QUẬN THỦ ĐỨC  
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập- Tự do- Hạnh phúc**

Bản án số: 474/2020/DS-ST  
Ngày 22/12/2020  
V/v Tranh chấp hợp đồng vay tài sản

**NHÂN DANH**

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN THỦ ĐỨC THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Trần Thị Ánh Nguyệt

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Huỳnh Tiến Dũng
2. Bà Nguyễn Thị Lượng

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Hồng - Thư ký Tòa án nhân dân quận Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa:** Bà Ngô Thị Lê - Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 12 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 251/2020/TLST-DS ngày 27/7/2020 về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 436/2020/QĐXXST-DS ngày 01 tháng 12 năm 2020 giữa các đương sự:

*1. Nguyên đơn:* Bà Tô Mỹ G, sinh năm 1968

Địa chỉ: 60 đường Mỹ C, phường Hiệp T, quận Tân P, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Trần Thiện T, sinh năm 1990 (có mặt).

Địa chỉ: số 6 Tổng U, Phường A, Quận B, Thành phố Hồ Chí Minh

Văn bản ủy quyền ngày 10/6/2020

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bà Tô Mỹ G – Luật sư Trần Cẩm Chương – Văn phòng luật sư Trần Cẩm Chương thuộc Đoàn luật sư Thành phố Hồ Chí Minh. (có mặt)

*2. Bị đơn:*

2.1. Ông Trần Văn Q, sinh năm 1986

2.2. Bà Nguyễn Thị Kim A, sinh năm 1989

Cùng địa chỉ số 83 đường A, khu phố B, phường Tam B, quận Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh.

(Ông Q và bà Kim A vắng mặt)

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ông Trịnh Lễ K, sinh năm 1960

Địa chỉ: 60 đường Mỹ C, phường Hiệp T, quận Tân P, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo ủy quyền ông Trần Thiện T, sinh năm 1990 (có mặt)

Địa chỉ: số 6 Tổng U, Phường A, Quận B, Thành phố Hồ Chí Minh

Văn bản ủy quyền ngày 12/8/2020

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Tại đơn khởi kiện, bản tự khai và ý kiến của nguyên đơn bà Tô Mỹ G có người đại diện là ông Trần Thiện T trình bày: Do quen biết nhau nên từ tháng 5/2018 đến tháng 10/2018 bà G có cho vợ chồng ông Trần Văn Q và bà Nguyễn Thị Kim A vay nhiều lần với số tiền tổng cộng là 2.200.000.000 đồng. Ông Q và bà Kim A có làm giấy xác nhận nợ vào ngày 22/10/2018, xác nhận còn nợ bà G số tiền là 2.200.000.000 đồng, không có lãi suất. Phía bị đơn cam kết sẽ trả trong thời gian gần nhất, sau đó sẽ ký hợp đồng vay lại tại phòng công chứng. Do bị đơn vẫn không thực hiện việc trả tiền cho bà G mặc dù bà G đã nhiều lần yêu cầu. Ngày 26/6/2020 bà G đã gửi thông báo về việc trả nợ vay, yêu cầu bị đơn trả số tiền chậm nhất là ngày 16/10/2019. Tuy nhiên cho đến nay bị đơn vẫn không thực hiện việc trả tiền đã vay cho bà G nên bà khởi kiện yêu cầu bị đơn trả số tiền gốc là 2.200.000.000 đồng, bà tự nguyện không yêu cầu trả lãi. Số tiền này là tài sản của vợ chồng bà. Khi vay tiền bị đơn không có thể chấp tài sản gì.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Trịnh Lễ K có người đại diện là ông Trần Thiện T trình bày: Ông K là chồng bà G, Ông K thống nhất với ý kiến trình bày của bà G do ông đại diện, ông xác định hiện nay bị đơn còn nợ số tiền là 2.200.000.000 đồng, yêu cầu bị đơn trả số tiền trên, Ông K không yêu cầu trả lãi.

Bị đơn ông Trần Văn Q và bà Nguyễn Thị Kim A có địa chỉ tại số 83 đường A, khu phố B, phường Tam B, quận Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh mặc dù đã được Tòa án tổng đạt, triệu tập các văn bản tố tụng theo quy định của pháp luật nhưng vẫn vắng mặt không có lý do.

Tại phiên tòa hôm nay:

Người đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn vẫn giữ yêu cầu khởi kiện.

Người đại diện theo uỷ quyền của ông Trịnh Lễ K yêu cầu bị đơn trả số tiền gốc là 2.200.000.000 đồng.

Bị đơn ông Trần Văn Q và bà Nguyễn Thị Kim A đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ quyết định đưa vụ án ra xét xử, quyết định hoãn phiên tòa và giấy triệu tập tham gia phiên tòa nhưng vắng mặt.

Luật sư Trần Cẩm Chương bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bà Tô Mỹ G trình bày: Bị đơn ký giấy xác nhận nợ với nguyên đơn, nguyên đơn đã yêu cầu nhưng không thực hiện nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu:

Về tố tụng: Việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử; việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng dân sự, kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là đúng theo quy định của pháp luật về tố tụng dân sự.

Về nội dung: Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, quan điểm của Đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Căn cứ đơn khởi kiện, các tài liệu chứng cứ kèm theo có cơ sở xác định quan hệ pháp luật tranh chấp là tranh chấp hợp đồng vay tài sản được quy định tại Khoản 3 Điều 26 của Bộ luật tố tụng dân sự 2015. Bị đơn cư trú tại quận Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh nên theo điểm a Khoản 1 Điều 35 và Điểm a Khoản 1 Điều 40 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh.

Bị đơn ông Trần Văn Q và bà Nguyễn Thị Kim A đã được tổng đạt hợp lệ nhưng vẫn vắng mặt, vì vậy căn cứ Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vụ án.

Căn cứ vào kết quả xác minh của công an phường Tam B, quận Thủ Đức thì ông Trần Văn Q và bà Nguyễn Thị Kim A có hộ khẩu 83 đường A, khu phố B, phường Tam B, quận Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh nhưng đã bán nhà đi, do đó Tòa án căn cứ vào nơi cư trú cuối cùng của bị đơn để giải quyết.

[2] Về nội dung: Xét yêu cầu của nguyên đơn về việc yêu cầu bị đơn ông Trần Văn Q và bà Nguyễn Thị Kim A phải trả số tiền 2.200.000.000 đồng; Hội đồng xét xử nhận thấy:

Xét bị đơn ông Trần Văn Q và bà Nguyễn Thị Kim A đã được Tòa án triệu tập nhiều lần nhưng không đến Tòa, không có lời khai, không cung cấp tài liệu chứng cứ để xác nhận hoặc phản bác yêu cầu của nguyên đơn. Do đó căn cứ vào các tài liệu chứng cứ do phía nguyên đơn cung cấp cũng như giấy xác nhận

nợ ngày 22/10/2018 có cơ sở xác định ông Trần Văn Q và bà Nguyễn Thị Kim A có vay của bà G số tiền tổng cộng là 2.200.000.000 (hai tỷ hai trăm triệu đồng), không có lãi suất, bị đơn cam kết sẽ trả trong thời gian sớm nhất.

Xét theo thỏa thuận, ông Trần Văn Q và bà Nguyễn Thị Kim A có trách nhiệm trả cho bà G số tiền 2.200.000.000 đồng trong thời gian gần nhất nhưng kể từ tháng 10/2018 cho đến nay bị đơn vẫn không thực hiện. Ngày 26/6/2020 bà G đã gửi thông báo về việc trả nợ vay cho bị đơn, cho bị đơn thời gian trả tiền, chậm nhất là ngày 16/10/2019 nhưng cho đến nay bị đơn vẫn né tránh và không thực hiện việc trả nợ cho bà G. Căn cứ vào giấy xác nhận nợ ngày 22/10/2018 có thể hiện chữ ký của vợ chồng Ông Q và bà Kim A nên Ông Q và bà Kim A phải có trách nhiệm trả tiền cho nguyên đơn. Do đó, tại Tòa nguyên đơn yêu cầu vợ chồng ông Trần Văn Q và bà Nguyễn Thị Kim A thanh toán số tiền gốc là 2.200.000.000 đồng là có căn cứ theo quy định tại Điều 466 Bộ luật dân sự năm 2015 nên được Hội đồng xét xử ghi nhận. Ghi nhận sự tự nguyện của bà G không yêu cầu bị đơn phải trả lãi.

Bà Tô Mỹ G và ông Trịnh Lễ K có người đại diện là ông Trần Thiện T xác định số tiền trên là tài sản chung của vợ chồng nên yêu cầu bị đơn trả số tiền trên cho vợ chồng bà G và Ông K.

Từ những căn cứ nêu trên Hội đồng xét xử nhận thấy có cơ sở chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc ông Trần Văn Q và bà Nguyễn Thị Kim A có trách nhiệm trả cho bà Tô Mỹ G và ông Trịnh Lễ K số tiền là 2.200.000.000 (hai tỷ hai trăm triệu đồng).

[3] Về án phí dân sự sơ thẩm: Do yêu cầu của nguyên đơn bà Tô Mỹ G được chấp nhận nên bị đơn ông Trần Văn Q và bà Nguyễn Thị Kim A phải chịu tiền án phí.

Bà Tô Mỹ G không phải chịu án phí, bà G được nhận lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

- Căn cứ Khoản 3 Điều 26; Điểm a Khoản 1 Điều 35; Điểm a Khoản 1 Điều 40, Khoản 2 Điều 227, Khoản 1, Khoản 3 Điều 228, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ Điều 357, Điều 463, Điều 466, Điều 468 của Bộ luật dân sự 2015;

- Căn cứ Luật Thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014;

- Căn cứ Luật phí và lệ phí năm 2015;

- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn bà Tô Mỹ G.

Buộc ông Trần Văn Q và bà Nguyễn Thị Kim A có trách nhiệm thanh toán cho bà Tô Mỹ G và ông Trịnh Lễ K số tiền là 2.200.000.000 (hai tỷ hai trăm triệu đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của bà Tô Mỹ G và ông Trịnh Lễ K cho đến khi thi hành án xong số tiền nêu trên, hàng tháng ông Trần Văn Q và bà Nguyễn Thị Kim A còn phải chịu khoản tiền lãi theo mức lãi suất quy định tại Điều 357 và khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015 tương ứng với số tiền và thời gian chưa thi hành án.

2. Án phí dân sự sơ thẩm:

Ông Trần Văn Q và bà Nguyễn Thị Kim A phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 76.000.000 (bảy mươi sáu triệu) đồng; Ông Trần Văn Q và bà Nguyễn Thị Kim A chưa nộp án phí.

Bà Tô Mỹ G không phải chịu án phí. Hoàn lại cho bà Tô Mỹ G số tiền tạm ứng án phí 38.000.000 đồng (ba mươi tám triệu đồng) theo biên lai thu số 0057480 ngày 27/7/2020 của Chi cục thi hành án dân sự quận Thủ Đức.

3. Về quyền kháng cáo: Án sơ thẩm xét xử công khai đương sự có mặt tại phiên Tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt tại phiên Tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày niêm yết bản án.

4. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự (sửa đổi bổ sung năm 2014) thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự (sửa đổi bổ sung năm 2014); thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật Thi hành án dân sự (sửa đổi bổ sung năm 2014).

**Nơi nhận:**

- TAND TP.HCM;
- VKSND quận Thủ Đức;
- Chi cục THADS quận Thủ Đức;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Trần Thị Ánh Nguyệt**

**THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ**  
*(Ký, ghi rõ họ tên)*

**THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**  
*(ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)*

**Vũ Văn Thắng**

